BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3607 /QĐ-BYT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 81/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 60/2024/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 313/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Căn cứ Nghị định số 102/2025/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu y tế;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 331/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Quyết định số 2146/QĐ-BYT ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Khung kiến trúc số Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-BYT ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Y tế (phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-BYT ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Danh mục thông tin cơ bản của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bà mẹ và Trẻ em.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Bà mẹ và Trẻ em; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính; Cục trưởng Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo; Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế (để biết);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, BMTE.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Vũ Mạnh Hà

BỘ Y TẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3607 /QĐ-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về việc quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở.

2. Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế có liên quan.

2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố và cơ quan tham mưu công tác trẻ em trực thuộc Sở Y tế các tỉnh, thành phố.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã; người làm công tác trẻ em của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Tổ chức, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến cập nhật, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở* (sau đây gọi là Hệ thống) là hệ thống thông tin được xây dựng nhằm quản lý thông tin trẻ em, trong đó có trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em được trợ giúp; hỗ trợ phân tích, tổng hợp báo cáo thống kê lĩnh vực trẻ em kịp thời, chính xác phục vụ chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách.

Hệ thống bao gồm các thành phần:

- Quản lý thông tin hồ sơ trẻ em;

- Quản lý thông tin trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

- Quản lý thông tin trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt;

- Quản lý thông tin trẻ em có hoàn cảnh khác;

- Quản lý thông tin các hình thức trợ giúp trẻ em;

- Các biểu mẫu báo cáo xã, tỉnh, trung ương;

- Các API phục vụ cho kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu.

2. *Tài khoản* là thông tin xác thực (tên đăng nhập, mật khẩu và yếu tố xác thực bổ sung) dùng để truy cập Hệ thống, gồm:

a) Tài khoản quản trị: tài khoản có quyền cấu hình Hệ thống; khởi tạo, phân quyền, khóa, thu hồi tài khoản khác;

b) Tài khoản đơn vị: tài khoản cấp cho cơ quan, đơn vị để cập nhật, phê duyệt, khai thác dữ liệu theo phân quyền, do cá nhân được thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao bằng văn bản trực tiếp quản lý, sử dụng;

c) Tài khoản khai thác số liệu: tài khoản chỉ có quyền tra cứu, trích xuất dữ liệu tổng hợp trong phạm vi được phê duyệt;

d) Tài khoản liên thông: tài khoản dịch vụ dùng cho kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin thông qua API, không dùng để đăng nhập giao diện người dùng.

3. API (Application Programming Interface – giao diện lập trình ứng dụng) là tập hợp quy tắc, giao thức cho phép các hệ thống phần mềm trao đổi dữ liệu với nhau.

4. *Kết nối, chia sẻ* là các hoạt động tạo sự liên kết giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhằm trao đổi, truyền đưa dữ liệu. Chia sẻ dữ liệu là các hoạt động chuyển dữ liệu, sao chép dữ liệu từ cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý dữ liệu tới cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

5. *Khai thác, sử dụng* là các hoạt động trích xuất, xử lý, sử dụng dữ liệu phục vụ mục đích cụ thể.

6. *Cơ sở hạ tầng* bao gồm máy chủ, hạ tầng mạng và các thiết bị, dịch vụ cơ sở hạ tầng khác phục vụ hoạt động của hệ thống.

7. Dữ liệu định danh là dữ liệu cá nhân dùng để xác định một trẻ em cụ thể, gồm: họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân; nơi cư trú và các thông tin định danh khác thuộc Danh mục thông tin cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 3955/QĐ-BYT.

8. Dữ liệu cá nhân nhạy cảm của trẻ em là dữ liệu cá nhân nhạy cảm theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và Nghị định số 356/2025/NĐ-CP được lưu trữ, xử lý trên Hệ thống.

9. Chủ quản hệ thống thông tin của Hệ thống là Bộ Y tế. Cục Bà mẹ và Trẻ em là đơn vị được giao quản lý, vận hành Hệ thống theo quy định tại Nghị định số 331/2026/NĐ-CP.

10. Đơn vị được thuê vận hành là tổ chức được Cục Bà mẹ và Trẻ em thuê cung cấp dịch vụ quản trị, vận hành hạ tầng kỹ thuật và Hệ thống. Đơn vị phát triển là tổ chức xây dựng, phát triển, nâng cấp Hệ thống theo hợp đồng với Cục Bà mẹ và Trẻ em.

11. Đúng, Đủ, Sạch, Sống là tiêu chí chất lượng dữ liệu, trong đó: Đúng là dữ liệu phản ánh chính xác thông tin của trẻ em; Đủ là dữ liệu có đầy đủ các trường thông tin theo Danh mục thông tin cơ bản; Sạch là dữ liệu đã được chuẩn hóa, không trùng lặp, không mâu thuẫn; Sống là dữ liệu được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

Điều 4. Nguyên tắc chung trong quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo đảm an ninh mạng của Hệ thống

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử, công nghệ thông tin và các quy định pháp luật có liên quan về an ninh mạng.

2. Tài khoản cung cấp cho tổ chức, cá nhân phải theo đúng phân cấp, chức năng, nhiệm vụ. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản có trách nhiệm bảo vệ thông tin tài khoản và chịu trách nhiệm nếu để lộ, lọt thông tin và dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý, sử dụng, khai thác dữ liệu trong hệ thống theo đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, bảo đảm thực hiện đúng quy trình và tiến độ không làm gián đoạn quá trình xử lý và luân chuyển thông tin của hệ thống và theo sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải bảo đảm được thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng mục đích; tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Y tế; bảo đảm an toàn, bảo mật và đúng phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành, hoạch định chính sách của các cơ quan, đơn vị và khai thác giá trị của dữ liệu.

5. Thông tin, dữ liệu dạng ký tự dùng trong hệ thống sử dụng bộ mã theo TCVN 6909:2001 (Unicode).

6. Các hành vi không được thực hiện

a) Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

b) Cung cấp, chia sẻ, sao chép, chuyển giao, tiết lộ dữ liệu, thông tin thuộc phạm vi quản lý khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

c) Làm sai lệch thông tin dữ liệu trong quá trình lưu chuyển dữ liệu từ cơ quan cung cấp dữ liệu tới cơ quan khai thác dữ liệu.

d) Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu.

đ) Cho người khác sử dụng tài khoản được giao khi chưa thực hiện bàn giao theo quy định; sử dụng tài khoản của người khác; ghi, lưu mật khẩu dưới dạng văn bản hoặc tệp không được bảo vệ.

e) Các hành vi không được thực hiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ THÔNG TIN TRẺ EM TẠI CƠ SỞ

Điều 5. Địa chỉ truy cập hệ thống

Hệ thống được truy cập qua trình duyệt web tại địa chỉ: https://nhaplieu.treem.gov.vn/ hoặc địa chỉ khác do Cục Bà mẹ và Trẻ em thông báo. Việc kết nối giữa các hệ thống thực hiện qua API theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 6. Quy định về cấp, phân quyền và quản lý tài khoản của hệ thống

1. Quy định về cấp và hỗ trợ xử lý tài khoản

a) Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế; Sở Y tế, cơ quan trực thuộc Sở Y tế tham mưu công tác trẻ em các tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan, mỗi đơn vị được cấp 01 tài khoản đơn vị. Trường hợp có nhu cầu khai thác số liệu hoặc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua API, đơn vị được cấp thêm tài khoản khai thác số liệu hoặc tài khoản liên thông theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Đơn vị cấp tỉnh, cấp xã cần cấp mới, thay đổi quyền hạn, hỗ trợ xử lý tài khoản gửi văn bản cho Sở Y tế; Sở Y tế tổng hợp, gửi văn bản cho Cục Bà mẹ và Trẻ em để được hỗ trợ xử lý.

c) Các đơn vị khác cần cấp mới, thay đổi quyền hạn, hỗ trợ xử lý tài khoản gửi văn bản cho Cục Bà mẹ và Trẻ em để được hỗ trợ xử lý.

2. Quản lý tài khoản

a) Cục Bà mẹ và Trẻ em là đơn vị quản lý, vận hành Hệ thống, sử dụng tài khoản quản trị để khởi tạo, phân quyền, cấp, khóa, thu hồi tài khoản cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân theo đúng phân cấp, chức năng, nhiệm vụ.

b) Thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được cấp tài khoản Hệ thống chịu trách nhiệm tiếp nhận, phân công quản lý tài khoản bằng văn bản cho cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng.

c) Cá nhân được thủ trưởng đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ bằng văn bản về quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống có trách nhiệm bảo quản, bảo đảm an toàn tài khoản của đơn vị và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra lộ, lọt thông tin. Tại một thời điểm, mỗi tài khoản đơn vị chỉ được giao cho 01 cá nhân; việc giao, nhận được lập biên bản ghi rõ thời điểm bắt đầu và kết thúc để làm căn cứ xác định trách nhiệm theo nhật ký hệ thống. Thư điện tử công vụ, số điện thoại dùng để nhận mã xác thực và cảnh báo là của cá nhân được giao. Cá nhân sau khi tiếp nhận tài khoản có trách nhiệm đổi mật khẩu ban đầu ngay trong lần đăng nhập đầu tiên.

d) Trường hợp nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc chuyển công tác, cá nhân được giao có trách nhiệm bàn giao quyền quản lý tài khoản bằng biên bản cho thủ trưởng đơn vị trước khi nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; biên bản bàn giao không ghi mật khẩu. Khi có người tiếp nhận, quản trị viên cấp trên đặt lại mật khẩu, gắn lại phương thức xác thực đa nhân tố cho người tiếp nhận; người tiếp nhận đổi mật khẩu ngay trong lần đăng nhập đầu tiên. Trường hợp chưa có người tiếp nhận, Sở Y tế (đối với tài khoản cấp xã) hoặc Cục Bà mẹ và Trẻ em (đối với các tài khoản khác) tạm khóa tài khoản cho đến khi có đề nghị mở lại để bàn giao cho người mới.

3. Phân quyền sử dụng

a) Hệ thống được quản lý thống nhất từ trung ương đến địa phương, tài khoản được phân cấp, phân quyền phù hợp với chức năng, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị.

b) Cơ quan, đơn vị, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân cấp có trách nhiệm thực hiện đúng các nguyên tắc và yêu cầu quản lý tài khoản theo phân quyền.

c) Tài khoản trung ương:

- Cục Bà mẹ và Trẻ em: đơn vị quản lý Hệ thống, hỗ trợ các đơn vị về chuyên môn trong quá trình kết nối, cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống.

+ Vai trò: quản trị Hệ thống; khởi tạo, phân quyền, thay đổi quyền hạn, cấp, khóa, thu hồi tài khoản và kịp thời hỗ trợ người sử dụng khi có yêu cầu (Đơn vị được thuê vận hành hỗ trợ Cục thực hiện các tác nghiệp kỹ thuật); tổng hợp, rà soát, quản lý, theo dõi, đôn đốc toàn bộ số liệu báo cáo trên toàn quốc.

+ Quyền thao tác: quản trị; phê duyệt, trả lại, bỏ duyệt báo cáo của Sở Y tế; tổng hợp, trích xuất số liệu báo cáo trên toàn quốc; khai thác dữ liệu định danh theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

- Các Vụ, Cục, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế có liên quan:

+ Vai trò: tổng hợp, trích xuất báo cáo.

+ Quyền thao tác: tổng hợp, trích xuất số liệu báo cáo theo phạm vi quản lý.

d) Tài khoản tỉnh:

- Đối tượng được cấp: Sở Y tế hoặc cơ quan trực thuộc Sở Y tế được giao tham mưu công tác trẻ em các tỉnh, thành phố.

- Vai trò: rà soát, phê duyệt hoặc trả lại báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp, gửi báo cáo tới Cục Bà mẹ và Trẻ em; trích xuất, quản lý và theo dõi toàn bộ số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp đề nghị cấp tài khoản, hỗ trợ đặt lại mật khẩu cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, thành phố.

- Quyền thao tác: phê duyệt, trả lại, bỏ duyệt báo cáo cấp xã; tổng hợp, gửi báo cáo Cục Bà mẹ và Trẻ em; trích xuất số liệu báo cáo, xem dữ liệu định danh của trẻ em trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này; cấp mật khẩu tạm thời, tạm khóa, mở khóa tài khoản của các đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh, thành phố.

đ) Tài khoản xã: cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã là đơn vị thống kê cấp xã.

- Vai trò: thu thập, cập nhật dữ liệu hồ sơ trẻ em; rà soát, tổng hợp, phê duyệt, gửi báo cáo tới Sở Y tế; trích xuất, quản lý và theo dõi báo cáo toàn xã.

- Quyền thao tác: nhập, cập nhật, chỉnh sửa, đề nghị hủy, hợp nhất, chuyển hồ sơ trẻ em; nhập dữ liệu từ tệp Excel; tổng hợp, phê duyệt, gửi, thu hồi báo cáo; trích xuất số liệu báo cáo và tra cứu dữ liệu trong địa bàn xã, phường, đặc khu.

e) Tài khoản khai thác số liệu: đối tượng được cấp là các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức có nhu cầu khai thác theo chức năng, nhiệm vụ, được Cục Bà mẹ và Trẻ em phê duyệt.

- Vai trò: Tra cứu dữ liệu tổng hợp.

- Quyền thao tác: Tra cứu dữ liệu tổng hợp theo đúng phạm vi được phê duyệt; không được xem dữ liệu định danh.

g) Tài khoản liên thông: đối tượng được cấp là các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan có các Hệ thống thông tin/Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Sở Y tế các tỉnh, thành phố phục vụ cho kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu thông qua API.

- Vai trò: Liên thông, chia sẻ dữ liệu.

- Quyền thao tác: Truy cập dịch vụ được cấp phép; khai thác dữ liệu theo phạm vi được Cục Bà mẹ và Trẻ em phê duyệt bằng văn bản; xác thực theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 12 Quy chế này. Tài khoản này không được đăng nhập giao diện người dùng và truy cập trực tiếp cơ sở dữ liệu.

4. Tạm khóa và thu hồi tài khoản

a) Các trường hợp tạm khóa: Người dùng yêu cầu khóa tài khoản; phát hiện dấu hiệu mất an ninh mạng; có yêu cầu của cơ quan quản lý hoặc chưa có cá nhân được giao quản lý tài khoản.

b) Các trường hợp thu hồi: cơ quan, đơn vị chấm dứt nhiệm vụ. Trường hợp người được giao sử dụng vi phạm quy định sử dụng Hệ thống, tài khoản bị tạm khóa và được giao lại cho cá nhân khác theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

c) Thời hạn xử lý

- Tạm khóa: thực hiện ngay khi phát hiện dấu hiệu mất an ninh mạng; các trường hợp khác không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

- Thu hồi tài khoản: không quá 48 giờ kể từ khi nhận thông báo.

5. Chính sách mật khẩu, xác thực và quản lý phiên đăng nhập

a) Yêu cầu mật khẩu: Có tối thiểu 8 ký tự, bao gồm chữ hoa, chữ thường, số và ký tự đặc biệt.

b) Yêu cầu chu kỳ thay đổi mật khẩu: Người dùng thông thường: 90 ngày. Quản trị hệ thống: 60 ngày. Khi mật khẩu hết hạn, Hệ thống yêu cầu người dùng đổi mật khẩu ở lần đăng nhập kế tiếp sau khi xác thực bằng mật khẩu hiện tại.

c) Hệ thống ghi nhận và phân tích các yếu tố như địa chỉ IP, vị trí địa lý, thiết bị sử dụng (thông tin trình duyệt, thiết bị), cảnh báo và xác thực bổ sung khi phát hiện điểm bất thường (đăng nhập từ quốc gia lạ, thiết bị mới hoàn toàn), hệ thống gửi thông báo cảnh báo đến cá nhân được giao quản lý tài khoản qua thư điện tử công vụ đã đăng ký.

d) Sau 05 lần nhập sai mật khẩu liên tiếp, Hệ thống yêu cầu nhập mã CAPTCHA. Khi nhập sai đến 05 lần liên tiếp trong vòng 10 phút, tài khoản bị tạm khóa đăng nhập trong 15 phút và tự động mở sau thời gian này. Trường hợp tài khoản bị tạm khóa từ 03 lần trở lên trong 24 giờ, tài khoản chỉ được mở khóa sau khi xác thực qua thư điện tử công vụ hoặc số điện thoại đã đăng ký hoặc do quản trị viên cấp trên mở khóa. Hệ thống đồng thời giới hạn số lần thử đăng nhập theo địa chỉ IP và ghi nhật ký các lần đăng nhập sai.

đ) Khi phát hiện dấu hiệu lộ mật khẩu hoặc mã truy cập (token), Hệ thống tạm khóa tài khoản và hủy toàn bộ phiên đăng nhập, token đang hiệu lực trên tất cả các thiết bị. Người dùng chỉ được đặt lại mật khẩu sau khi xác thực qua kênh đã đăng ký hoặc do quản trị viên cấp trên đặt lại. Hệ thống gửi thông báo khẩn cấp cho người dùng và quản trị viên, hướng dẫn rà soát hoạt động gần đây, kiểm tra các thiết bị lạ và tuyệt đối không cung cấp mã xác thực dùng một lần (OTP) hay thông tin bảo mật cho bất kỳ bên thứ ba nào.

e) Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng xem danh sách tất cả các thiết bị/trình duyệt đang đăng nhập tài khoản (hiển thị rõ tên thiết bị, địa chỉ IP, thời gian hoạt động gần nhất). Người dùng có quyền tự bấm "Đăng xuất khỏi tất cả thiết bị" hoặc thu hồi phiên của từng thiết bị cụ thể ngay lập tức.

g) Hệ thống tự động thu hồi phiên đăng nhập khi:

- Phiên làm việc không có thao tác trong 30 phút hoặc vượt quá thời gian tối đa 08 giờ.

- Hệ thống phát hiện rủi ro bảo mật hoặc có lệnh thu hồi từ quản trị viên/cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Cập nhật, tổng hợp dữ liệu báo cáo trên hệ thống

1. Các phương thức cập nhật dữ liệu trên hệ thống

a) Nhập dữ liệu trực tiếp vào hệ thống.

b) Nhập dữ liệu từ tệp Excel theo mẫu tích hợp trên Hệ thống.

c) Tiếp nhận dữ liệu trẻ em từ các hệ thống/phần mềm.

2. Hệ thống tự động tổng hợp dữ liệu báo cáo thông tin trẻ em, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có hoàn cảnh khác, hình thức trợ giúp trẻ em theo biểu mẫu báo cáo quy định. Tại thời điểm báo cáo được gửi và được phê duyệt, Hệ thống lưu bản số liệu chốt kèm số phiên bản; việc điều chỉnh dữ liệu hồ sơ sau thời điểm này không làm thay đổi số liệu của báo cáo đã phê duyệt.

3. Kỳ báo cáo, thời kỳ số liệu và thời hạn báo cáo

a) Báo cáo thống kê được thực hiện theo kỳ 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng và năm, tính theo ngày dương lịch. Thời kỳ số liệu của báo cáo tính từ 0 giờ 00 ngày 01 tháng 01 đến hết 24 giờ 00 ngày cuối cùng của tháng cuối kỳ báo cáo (số liệu kỳ 06 tháng, 09 tháng và năm là số liệu lũy kế từ đầu năm). Hệ thống tự động tổng hợp số liệu theo thời kỳ số liệu.

b) Người làm công tác trẻ em cấp xã tổng hợp số liệu trên Hệ thống, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và gửi báo cáo đến Sở Y tế trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

c) Sở Y tế rà soát, phê duyệt hoặc trả lại báo cáo cấp xã trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo. Trường hợp báo cáo bị trả lại, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉnh sửa, gửi lại trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

d) Sở Y tế tổng hợp, gửi báo cáo cấp tỉnh đến Cục Bà mẹ và Trẻ em trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

đ) Cục Bà mẹ và Trẻ em phê duyệt hoặc trả lại báo cáo cấp tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 8. Kiểm tra, phê duyệt báo cáo thống kê

1. Phê duyệt báo cáo:

a) Cục Bà mẹ và Trẻ em phê duyệt báo cáo thống kê thông tin trẻ em của Sở Y tế.

b) Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra, phê duyệt báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã nếu bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu.

2. Trước khi duyệt báo cáo, cán bộ được giao kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu, trường hợp phát hiện báo cáo thống kê không hợp lệ hoặc có nghi ngờ về tính chính xác thì trả lại biểu mẫu báo cáo cho đơn vị gửi báo cáo và yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung; việc trả lại phải ghi rõ lý do trên Hệ thống.

3. Báo cáo thống kê đã được phê duyệt bị khóa, không chỉnh sửa được. Trường hợp cần điều chỉnh phải thực hiện theo quy trình bỏ duyệt quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này; Hệ thống lưu phiên bản báo cáo, lý do, người đề nghị và người chấp thuận.

Điều 9. Cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu

1. Thu hồi báo cáo chưa được phê duyệt: người làm công tác trẻ em cấp xã khi phát hiện số liệu cần cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung được thu hồi báo cáo đã gửi (khi Sở Y tế chưa phê duyệt), chỉnh sửa và gửi lại Sở Y tế. Cán bộ phụ trách của Sở Y tế được thu hồi báo cáo cấp tỉnh đã gửi (khi Cục Bà mẹ và Trẻ em chưa phê duyệt), thực hiện lại và gửi lại Cục Bà mẹ và Trẻ em.

2. Bỏ duyệt báo cáo đã được phê duyệt: cán bộ phụ trách tuyến dưới gửi đề nghị bỏ duyệt trên Hệ thống, ghi rõ lý do; đầu mối cấp trên xem xét, chấp thuận trong thời hạn 05 ngày làm việc. Sau khi được bỏ duyệt, tuyến dưới thực hiện lại và gửi lại báo cáo. Trường hợp báo cáo cấp tỉnh có sử dụng số liệu của báo cáo cấp xã được bỏ duyệt đã gửi Cục Bà mẹ và Trẻ em, Hệ thống tự động chuyển báo cáo cấp tỉnh sang trạng thái cần cập nhật.

3. Xử lý dữ liệu hồ sơ trẻ em:

a) Không xóa vật lý hồ sơ trẻ em. Hồ sơ nhập sai được hủy bằng chức năng đánh dấu hủy trên Hệ thống, ghi rõ lý do, người thực hiện, thời gian; chỉ đơn vị khởi tạo hoặc đơn vị đang quản lý hồ sơ được thực hiện.

b) Trường hợp hồ sơ bị trùng lặp, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, xác minh và đề nghị hợp nhất hồ sơ trên Hệ thống; Sở Y tế xem xét, phê duyệt trong thời hạn 05 ngày làm việc; trường hợp trùng lặp giữa hai tỉnh, thành phố do Cục Bà mẹ và Trẻ em phê duyệt.

c) Trường hợp trẻ em thay đổi nơi cư trú, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em đến cư trú đề nghị tiếp nhận hồ sơ trên Hệ thống; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đi xác nhận chuyển trong thời hạn 05 ngày làm việc; quá thời hạn, Sở Y tế (trong phạm vi tỉnh) hoặc Cục Bà mẹ và Trẻ em (giữa các tỉnh) thực hiện chuyển hồ sơ. Trường hợp phát sinh yêu cầu điều chỉnh thông tin theo quy định của pháp luật, đơn vị đang quản lý hồ sơ cập nhật trên Hệ thống theo thông tin đã được xác minh. Lịch sử thay đổi của hồ sơ được Hệ thống lưu giữ.

d) Trường hợp đơn vị khởi tạo hoặc đơn vị đang quản lý hồ sơ không còn hoặc thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính, quyền quản lý hồ sơ được chuyển cho đơn vị kế thừa.

Điều 10. Nguyên tắc khai thác dữ liệu

1. Dữ liệu trên Hệ thống được khai thác phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, nghiên cứu và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Dữ liệu phục vụ nghiên cứu chỉ được cung cấp ở dạng tổng hợp hoặc đã khử định danh.

2. Việc khai thác dữ liệu phải bảo đảm: Đúng mục đích, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quyền khai thác; không làm ảnh hưởng đến tính toàn vẹn, tính sẵn sàng và tính bảo mật của dữ liệu.

3. Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật đời tư, bí mật nghề nghiệp và an ninh mạng.

4. Có cơ chế ghi nhận, giám sát, lưu vết hoạt động khai thác dữ liệu; nhật ký được ghi, lưu trữ theo quy định tại khoản 9 Điều 14 Quy chế này.

5. Nghiêm cấm việc khai thác, sử dụng, chia sẻ dữ liệu ngoài phạm vi được giao hoặc vì mục đích thương mại; nghiêm cấm mua, bán dữ liệu cá nhân từ Hệ thống.

6. Số liệu khai thác từ Hệ thống khi sử dụng phải ghi chú rõ nguồn số liệu và thời điểm kết xuất số liệu.

7. Số liệu cung cấp, công bố ra ngoài về nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt phải áp dụng biện pháp chống nhận diện trẻ em. Việc công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 6 Luật Trẻ em và khoản 2 Điều 24 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 11. Thẩm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống

1. Cục Bà mẹ và Trẻ em được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp trên phạm vi toàn quốc để phục vụ công tác quản lý nhà nước, lập kế hoạch, hoạch định chiến lược, chính sách; được khai thác dữ liệu định danh để kiểm tra, làm sạch, đối soát dữ liệu và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định.

2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp trẻ em trong phạm vi toàn tỉnh, thành phố để phục vụ công tác quản lý nhà nước về trẻ em; được xem dữ liệu định danh của trẻ em trên địa bàn để kiểm tra, rà soát, làm sạch dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Quy chế này; thực hiện quản lý, phân cấp, phân quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo thẩm quyền; đơn vị trực thuộc Sở Y tế được giao tham mưu công tác trẻ em được khai thác, sử dụng dữ liệu trong phạm vi được phân quyền và chịu trách nhiệm theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã được cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu định danh của trẻ em trên địa bàn để quản lý hồ sơ, thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp, trợ giúp trẻ em, lập báo cáo và phục vụ công tác quản lý nhà nước lĩnh vực trẻ em trên địa bàn.

4. Tài khoản khai thác số liệu, tài khoản liên thông chỉ được khai thác dữ liệu trong phạm vi được Cục Bà mẹ và Trẻ em phê duyệt bằng văn bản; mặc định là dữ liệu tổng hợp hoặc dữ liệu đã khử định danh.

5. Việc cấp, điều chỉnh, thu hồi quyền khai thác dữ liệu định danh phải được phê duyệt, ghi nhật ký và rà soát định kỳ 06 tháng/lần; quyền được thu hồi khi không còn nhu cầu hoặc không còn đủ điều kiện.

6. Đối với việc cung cấp dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân hoặc hệ thống bên ngoài cần xác định rõ căn cứ, mục đích, phạm vi dữ liệu được phép cung cấp và trách nhiệm bảo mật của bên tiếp nhận, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Hệ thống tiếp nhận dữ liệu trẻ em từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan thông qua API. Phương thức đồng bộ (thời gian thực hoặc theo lô) và tần suất đồng bộ được thống nhất giữa Cục Bà mẹ và Trẻ em và cơ quan quản lý hệ thống nguồn, phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ và điều kiện kỹ thuật, thể hiện trong tài liệu đặc tả kết nối được phê duyệt.

2. Chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống với các nền tảng/phần mềm/hệ thống/cơ sở dữ liệu khác phục vụ công tác quản lý nhà nước, thống kê, báo cáo và các mục đích theo quy định của pháp luật phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của nhà nước về bảo vệ dữ liệu. Dữ liệu chia sẻ giữa các hệ thống phải được thực hiện thông qua API qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều này, áp dụng các biện pháp bảo mật, mã hóa và kiểm soát truy cập để bảo đảm an ninh mạng trong quá trình truyền nhận dữ liệu.

3. Các đơn vị, nền tảng/phần mềm/hệ thống/cơ sở dữ liệu khai thác, sử dụng dữ liệu phải được phân quyền, xác thực và chỉ được truy cập trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ quy định về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định của Bộ Y tế và các quy định pháp luật.

5. Các nền tảng, phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khi cung cấp dữ liệu cho Hệ thống hoặc khai thác dữ liệu từ Hệ thống phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ hệ thống thông tin được phê duyệt theo quy định của Luật An ninh mạng và Nghị định số 331/2026/NĐ-CP.

b) Tuân thủ Khung kiến trúc số Bộ Y tế ban hành kèm theo Quyết định số 2146/QĐ-BYT ngày 15/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Y tế.

c) Kết nối với Hệ thống thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ Y tế theo Khung kiến trúc số Bộ Y tế; kết nối với hệ thống của cơ quan ngoài Bộ Y tế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

d) Các hệ thống kết nối phải tuân thủ nghiêm ngặt Danh mục thông tin cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 3955/QĐ-BYT, Từ điển dữ liệu dùng chung Bộ Y tế và danh mục mã đơn vị hành chính hiện hành để tránh xung đột dữ liệu khi tổng hợp báo cáo toàn quốc.

đ) Về yêu cầu bảo mật và kiểm soát an toàn kết nối cần có cơ chế xác thực chặt chẽ giữa các bên tham gia kết nối nhằm bảo đảm chỉ các hệ thống được cấp phép mới có thể giao tiếp với hệ thống nguồn. Kiểm soát quyền truy cập đối với người dùng hoặc hệ thống khai thác, tránh tình trạng truy cập vượt quyền hoặc lạm dụng dữ liệu. Đối với mã hóa dữ liệu truyền nhận áp dụng các chuẩn mã hóa dữ liệu mạnh trong quá trình truyền tải trên mạng để ngăn chặn hành vi nghe lén, đánh cắp hoặc chỉnh sửa dữ liệu trái phép. Việc truyền nhận dữ liệu sử dụng giao thức TLS phiên bản 1.2 trở lên; tài khoản liên thông được xác thực bằng chứng thư số hoặc cơ chế cấp mã truy cập cho ứng dụng (OAuth 2.0), giới hạn địa chỉ IP nguồn và tần suất truy cập; mỗi giao dịch API được ghi nhật ký.

e) Bảo đảm chất lượng và tính toàn vẹn dữ liệu: dữ liệu khi kết nối và chia sẻ phải giữ nguyên vẹn giá trị, phản ánh đúng thực tế, không bị biến dạng. Hệ thống triển khai các biện pháp kỹ thuật và quy trình giám sát nhằm bảo vệ thông tin trẻ em, ngăn chặn nguy cơ rò rỉ hoặc thất thoát dữ liệu ra bên ngoài.

g) Có cơ chế xử lý lỗi đồng bộ (ghi nhận, thông báo, gửi lại); kiểm soát trùng lặp theo số định danh cá nhân; đối soát dữ liệu định kỳ hằng tháng giữa Hệ thống và hệ thống nguồn; kết quả đối soát được lưu vết.

6. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc của Hệ thống thực hiện theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP.

7. Số định danh cá nhân của trẻ em được xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư qua kết nối được cấp có thẩm quyền cho phép. khi trẻ em được cấp số định danh cá nhân, hồ sơ được cập nhật, hợp nhất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

Điều 13. Bảo vệ thông tin, dữ liệu và dữ liệu cá nhân trẻ em

1. Thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý, vận hành lưu trên máy tính và thiết bị lưu trữ di động (nếu có) phải được mã hóa hoặc đặt mật khẩu truy cập. Cơ sở dữ liệu và bản sao lưu của Hệ thống phải được mã hóa; khóa mã hóa được quản lý tách biệt với quyền quản trị cơ sở dữ liệu.

2. Việc trao đổi thông tin, dữ liệu với bên ngoài thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Quy chế này.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch thông tin cơ sở dữ liệu, tự ý sửa chữa phần mềm cơ sở dữ liệu hoặc khai thác, sử dụng thông tin vào các mục đích cá nhân, ngoài quy định của pháp luật và Quy chế này.

4. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trẻ em trên Hệ thống thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Trẻ em và các văn bản hướng dẫn, trong đó:

a) Cục Bà mẹ và Trẻ em chủ trì xác định và thực hiện trách nhiệm của bên kiểm soát dữ liệu cá nhân đối với dữ liệu trên Hệ thống theo quy định; Đơn vị được thuê vận hành, Đơn vị phát triển xử lý dữ liệu cá nhân thông qua hợp đồng có điều khoản về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

b) Việc thu thập, xử lý dữ liệu cá nhân trẻ em trên Hệ thống chỉ nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về trẻ em theo quy định của pháp luật và chỉ thu thập các thông tin thuộc Danh mục thông tin cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 3955/QĐ-BYT;

c) Việc thông báo cho chủ thể dữ liệu và thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu (do cha, mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật của trẻ em thực hiện) theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân; Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối tiếp nhận yêu cầu tại địa phương;

d) Cục Bà mẹ và Trẻ em xác định việc lập hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định tại Điều 21 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

đ) Các trường thông tin thuộc dữ liệu cá nhân nhạy cảm được che mặc định trên giao diện và tệp xuất, chỉ hiển thị đầy đủ đối với tài khoản được phân quyền; mỗi lần xem, xuất dữ liệu định danh, dữ liệu cá nhân nhạy cảm được ghi nhật ký.

5. Hệ thống không lưu trữ, xử lý thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

6. Thời hạn lưu trữ hồ sơ trẻ em, việc xử lý hồ sơ khi trẻ em đủ 16 tuổi và thời hạn lưu trữ tệp dữ liệu xuất từ Hệ thống do Cục Bà mẹ và Trẻ em hướng dẫn, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về lưu trữ và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Chương III
BẢO ĐẢM HẠ TẦNG VÀ AN NINH MẠNG CHO HỆ THỐNG

Điều 14. Nguyên tắc bảo đảm hạ tầng, an ninh mạng cho Hệ thống

1. Hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống được đặt tại Trung tâm dữ liệu trên lãnh thổ Việt Nam do Cục Bà mẹ và Trẻ em thuê đơn vị có chức năng cung cấp, bảo đảm hoạt động liên tục 24/24 giờ, đáp ứng yêu cầu an ninh mạng theo cấp độ hệ thống thông tin được phê duyệt và phù hợp với Khung kiến trúc số Bộ Y tế.

2. Đơn vị được thuê vận hành phải có cán bộ chuyên môn theo dõi thường xuyên để phát hiện, xử lý và khắc phục sự cố (nếu có).

3. Hệ thống được xác định cấp độ, lập hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ được phê duyệt theo quy định của Luật An ninh mạng, Nghị định số 331/2026/NĐ-CP và tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu cơ bản về an ninh mạng đối với hệ thống thông tin.

4. Hệ thống được phân vùng mạng tách biệt (vùng kết nối Internet, vùng ứng dụng, vùng cơ sở dữ liệu, vùng quản trị); máy chủ cơ sở dữ liệu không kết nối

trực tiếp với Internet; có tường lửa ứng dụng web; việc truy cập quản trị thực hiện qua máy chủ trung gian và kênh kết nối mạng riêng ảo (VPN); các thành phần trọng yếu có phương án dự phòng để bảo đảm khi một thành phần gặp sự cố không ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống.

5. Cán bộ quản trị cơ sở dữ liệu không được sao chép, di chuyển dữ liệu ra ngoài Hệ thống, trừ trường hợp sao lưu, phục hồi theo quy định tại Điều 16 Quy chế này hoặc xử lý sự cố được người có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản. Mọi thao tác trực tiếp vào cơ sở dữ liệu phải có phiếu yêu cầu được phê duyệt, thực hiện qua giải pháp quản lý truy cập đặc quyền và được ghi nhật ký.

6. Đối với hoạt động trao đổi thông tin, dữ liệu với bên ngoài, đơn vị và cá nhân thực hiện trao đổi thông tin, dữ liệu ra bên ngoài phải áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin, dữ liệu; sử dụng các cơ chế xác thực mạnh bằng chứng thư chữ ký số hoặc các giải pháp kỹ thuật chuyên dụng, tránh bị sửa đổi, tiết lộ hoặc nhân bản một cách trái phép.

7. Hệ thống phải thiết lập cơ chế xác thực đa nhân tố (MFA) đối với các tài khoản quản trị và các tài khoản có quyền truy cập, khai thác dữ liệu, sử dụng mã xác thực dùng một lần (OTP) qua ứng dụng xác thực, tin nhắn hoặc thư điện tử công vụ, hoặc phương thức xác thực điện tử khác theo quy định. Tài khoản liên thông áp dụng cơ chế xác thực quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 12 Quy chế này.

8. Trước khi đưa vào vận hành và sau mỗi lần nâng cấp, chỉnh sửa lớn, Cục Bà mẹ và Trẻ em tổ chức kiểm tra, đánh giá an ninh mạng đối với máy chủ, ứng dụng của Hệ thống, tự thực hiện hoặc thuê tổ chức được cấp phép kinh doanh dịch vụ an ninh mạng. Đơn vị cung cấp thiết bị và Đơn vị phát triển có trách nhiệm khắc phục điểm yếu, lỗ hổng được phát hiện trước khi Hệ thống được đưa vào vận hành.

9. Hệ thống ghi nhật ký các hoạt động: đăng nhập; xem, xuất dữ liệu định danh, dữ liệu cá nhân nhạy cảm; thêm, sửa, hủy dữ liệu; phân quyền, khóa, thu hồi tài khoản; thao tác quản trị; giao dịch qua API. Nhật ký được lưu trữ tối thiểu 12 tháng, không thể sửa, xóa, được đồng bộ thời gian chuẩn và lưu tập trung tách biệt với máy chủ ứng dụng.

10. Hệ thống được giám sát an ninh mạng liên tục 24/7; thông tin giám sát được kết nối, chia sẻ với cơ quan chuyên trách về an ninh mạng theo quy định.

Điều 15. Đánh giá an ninh mạng định kỳ

1. Hệ thống phải được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ tối thiểu 01 lần/năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp có thẩm quyền. Việc đánh giá bao gồm các nội dung:

a) Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, đánh giá hiệu quả của các biện pháp bảo đảm an ninh mạng;

c) Kiểm tra, đánh giá phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập.

Kết quả đánh giá là căn cứ để xây dựng kế hoạch nâng cao mức độ an ninh mạng của hệ thống.

2. Quy trình quản lý lỗ hổng bảo mật: Đơn vị được thuê vận hành, Đơn vị phát triển và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thường xuyên rà soát, tiếp nhận, phân loại và xử lý các lỗ hổng bảo mật của Hệ thống.

a) Lỗ hổng bảo mật được phân loại theo điểm đánh giá mức độ nghiêm trọng với thời hạn khắc phục như sau:

- Mức độ Nghiêm trọng và Mức độ Cao: phải áp dụng biện pháp giảm thiểu tạm thời trong vòng 24 giờ và khắc phục hoàn thành trong vòng 72 giờ kể từ khi phát hiện hoặc nhận được cảnh báo. Lỗ hổng đang bị khai thác trên thực tế được xử lý như mức Nghiêm trọng.

- Mức độ Trung bình: phải xử lý, khắc phục hoàn thành trong vòng 07 ngày làm việc.

- Mức độ Thấp: phải xử lý, khắc phục hoàn thành trong vòng 30 ngày làm việc hoặc đưa vào kế hoạch nâng cấp, bảo trì định kỳ tiếp theo.

b) Kiểm tra, xác nhận kết quả khắc phục: đơn vị được thuê vận hành có trách nhiệm kiểm tra, kiểm thử lại toàn bộ các điểm yếu, lỗ hổng đã xử lý; lập biên bản xác nhận kết quả khắc phục thành công trước khi đóng phiếu ghi nhận sự cố/lỗ hổng.

c) Báo cáo rủi ro còn tồn tại: đối với các lỗ hổng chưa thể khắc phục ngay do nguyên nhân kỹ thuật hoặc chờ bản vá từ nhà sản xuất, Đơn vị được thuê vận hành phải lập Báo cáo đánh giá rủi ro còn tồn tại, đề xuất biện pháp kiểm soát/giảm thiểu rủi ro tạm thời và gửi Cục Bà mẹ và Trẻ em, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia để theo dõi, quản lý.

Điều 16. Lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu và quản trị hệ thống

1. Lưu trữ dữ liệu

a) Dữ liệu của Hệ thống phải được lưu trữ, quản lý và bảo vệ an toàn theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về bảo đảm an ninh mạng.

b) Phạm vi lưu trữ bao gồm: Cơ sở dữ liệu chính; tệp tin cấu hình hệ thống; nhật ký hệ thống (system/audit log); mã nguồn và các tệp dữ liệu đính kèm, tệp dữ liệu nhập, xuất.

2. Sao lưu dữ liệu dự phòng và quản lý bản sao lưu

a) Phạm vi sao lưu: cơ sở dữ liệu, tệp cấu hình, nhật ký hệ thống và các dữ liệu nghiệp vụ quan trọng khác.

b) Trách nhiệm quản lý: Đơn vị được thuê vận hành chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc lập lịch, thực hiện, quản lý, lưu trữ an toàn các bản sao lưu và chịu trách nhiệm trước Cục Bà mẹ và Trẻ em nếu để mất mát, hư hỏng bản sao lưu.

c) Thực hiện sao lưu gia tăng tự động hằng ngày và sao lưu đầy đủ hằng tuần; giữ bản sao lưu hằng ngày tối thiểu 30 ngày, bản sao lưu hằng tuần tối thiểu 12 tuần, bản sao lưu hằng tháng tối thiểu 12 tháng. Có ít nhất 01 bản sao lưu đặt tại địa điểm khác với Trung tâm dữ liệu chính và 01 bản sao lưu không thể sửa, xóa hoặc lưu ngoại tuyến; bản sao lưu được mã hóa và phân quyền truy cập nghiêm ngặt.

d) Kiểm tra tính toàn vẹn: Đơn vị được thuê vận hành phải kiểm tra tự động hoặc thủ công tính toàn vẹn (tính không bị biến dạng, không bị lỗi) của các bản sao lưu ngay sau khi hoàn thành sao lưu và ghi nhật ký theo dõi đầy đủ.

3. Phục hồi ứng dụng phần mềm và dữ liệu từ bản sao lưu

a) Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu, sự cố, Đơn vị được thuê vận hành tổ chức kiểm tra, thử nghiệm việc phục hồi dữ liệu và ứng dụng từ bản sao lưu trên môi trường thử nghiệm có mức bảo vệ tương đương môi trường vận hành; dữ liệu phục hồi thử nghiệm được hủy ngay sau khi hoàn thành. Kết quả thử nghiệm phải đánh giá được khả năng đáp ứng thời gian khôi phục dịch vụ tối đa (RTO) không quá 04 giờ và lượng dữ liệu tối đa chấp nhận mất (RPO) không quá 24 giờ.

b) Việc truy cập, sử dụng, sao chép, phục hồi hoặc hủy các bản sao lưu chỉ được thực hiện bởi người được phân công bằng văn bản, có phê duyệt của cấp có thẩm quyền và phải ghi vết (log) đầy đủ.

c) Môi trường phát triển, kiểm thử thông thường chỉ sử dụng dữ liệu giả lập hoặc dữ liệu đã khử định danh, không sử dụng dữ liệu thật của trẻ em.

4. Quản trị hệ thống: cán bộ quản trị hệ thống của Đơn vị được thuê vận hành thực hiện các nhiệm vụ:

a) Kiểm tra hằng ngày/hằng tuần bảo đảm các tiến trình sao lưu định kỳ hoàn tất thành công.

b) Theo dõi hiệu năng, dung lượng lưu trữ, băng thông và hạ tầng phần cứng/máy chủ.

c) Xử lý sự cố phần mềm, phần cứng, hạ tầng mạng; khởi tạo, phân quyền và quản trị tài khoản truy cập máy chủ.

d) Duy trì kế hoạch vận hành liên tục và tài liệu hướng dẫn khôi phục hệ thống khi xảy ra thảm họa.

đ) Thông báo ngay với người có thẩm quyền khi có những vấn đề xảy ra đối với máy chủ. Đơn vị được thuê vận hành phải luôn có kế hoạch hoạt động với phạm vi bao gồm cả hệ thống liên quan đến hạ tầng mạng và hạ tầng phần cứng máy chủ, dữ liệu và các tài liệu phục hồi hệ thống của các thành phần đó.

Điều 17. Quản lý tệp dữ liệu nhập vào và xuất ra từ Hệ thống

1. Chỉ nhập (import) dữ liệu theo mẫu tệp Excel được tích hợp trong Hệ thống. Người thực hiện phải tuân thủ tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống, kiểm

tra và loại bỏ thông tin thừa, trang tính (sheet) ẩn, ghi chú không liên quan trước khi tải lên. Hệ thống chỉ tiếp nhận tệp định dạng .xlsx, kiểm tra cấu trúc theo mẫu, giới hạn dung lượng, quét mã độc và từ chối tệp có chứa macro hoặc công thức.

2. Chỉ tài khoản được phân quyền mới được xuất dữ liệu định danh, dữ liệu cá nhân nhạy cảm và phải ghi rõ mục đích trên Hệ thống. Tệp xuất do Hệ thống tự động mã hóa, gắn thông tin tài khoản và thời điểm xuất; số định danh cá nhân được che mặc định. Mật khẩu mở tệp được cung cấp qua kênh khác với kênh lưu, gửi tệp. Tệp dữ liệu xuất ra được lưu trữ tại thiết bị, thư mục được đơn vị chỉ định và có biện pháp kiểm soát truy cập.

3. Việc chuyển giao tệp dữ liệu giữa các đơn vị phải thực hiện qua các kênh mã hóa bảo mật được phê duyệt; dữ liệu khi chuyển phải tuân thủ quy định về mã hóa, bảo mật, ký số tùy theo mức độ. Hành vi vi phạm dẫn đến lộ, lọt dữ liệu cá nhân bị xử lý theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

4. Mọi thao tác với tệp trên Hệ thống (tải lên, nhập, xuất, tải xuống) được Hệ thống tự động ghi nhật ký gồm: tài khoản thực hiện, địa chỉ IP, thời gian và thao tác cụ thể. Nhật ký được lưu trữ theo quy định tại khoản 9 Điều 14 Quy chế này.

5. Khi tệp dữ liệu hết thời hạn lưu trữ hoặc không còn mục đích sử dụng, nhân sự phụ trách phải xóa an toàn theo hướng dẫn kỹ thuật do Cục Bà mẹ và Trẻ em ban hành, bảo đảm dữ liệu không thể khôi phục, và ghi nhận việc xóa.

Điều 18. Ứng cứu sự cố an ninh mạng

1. Quy trình ứng cứu sự cố được thực hiện theo các bước cụ thể sau:

a) Bước 1 - Tiếp nhận và phát hiện: đầu mối tiếp nhận thông tin sự cố là Đơn vị được thuê vận hành (qua đường dây nóng, thư điện tử vận hành). Khi phát hiện dấu hiệu sự cố hoặc nhận được cảnh báo, đầu mối tiếp nhận phải ghi nhận thời điểm, hiện tượng, phạm vi ảnh hưởng và thông báo ngay cho Cục Bà mẹ và Trẻ em.

b) Bước 2 - Phân loại và thông báo: phân loại mức độ sự cố theo quy định của pháp luật về an ninh mạng. Đơn vị được thuê vận hành phải thông báo bằng điện thoại cho Cục Bà mẹ và Trẻ em và Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia trong vòng không quá 01 giờ kể từ khi phát hiện sự cố nghiêm trọng hoặc sự cố liên quan đến dữ liệu cá nhân trẻ em, sau đó xác nhận bằng văn bản hoặc thư điện tử trong vòng 04 giờ.

c) Bước 3 - Cô lập và Chặn đứng: kịp thời thực hiện các biện pháp kỹ thuật để cô lập phân vùng bị tấn công, tạm ngưng các kết nối bị ảnh hưởng, ngăn chặn sự cố lan rộng nhưng phải bảo đảm duy trì nhật ký hệ thống (log) phục vụ truy vết. Trước khi khắc phục, phải thu thập, lưu giữ nhật ký, ảnh bộ nhớ, ảnh ổ đĩa và các dấu vết liên quan phục vụ điều tra.

d) Bước 4 - Khắc phục và Phục hồi: Loại bỏ mã độc, vá lỗ hổng bảo mật, khôi phục dữ liệu từ bản sao lưu an toàn và kiểm tra kỹ thuật trước khi đưa hệ thống hoạt động trở lại.

đ) Bước 5 - Báo cáo và Đánh giá: Lập Báo cáo chi tiết nguyên nhân sự cố, thiệt hại, kết quả xử lý gửi cơ quan quản lý; rút kinh nghiệm và cập nhật phương án ứng cứu. Mọi sự cố phải được ghi nhận, lưu hồ sơ và tổng hợp báo cáo phục vụ công tác quản lý, kiểm tra.

2. Trách nhiệm phối hợp:

a) Đơn vị được thuê vận hành chịu trách nhiệm chủ trì xử lý kỹ thuật; Cục Bà mẹ và Trẻ em chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều phối chung và báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế;

b) Đối với sự cố an ninh mạng nghiêm trọng, Cục Bà mẹ và Trẻ em thay mặt chủ quản hệ thống thông tin thông báo ban đầu cho Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05) - Bộ Công an trong thời hạn 24 giờ và báo cáo nguyên nhân, phạm vi ảnh hưởng, biện pháp khắc phục trong thời hạn 72 giờ kể từ khi phát hiện theo quy định tại Nghị định số 331/2026/NĐ-CP; đề nghị cơ quan chuyên trách về an ninh mạng hỗ trợ, phối hợp với Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng (Bộ Tư lệnh 86) khi sự cố vượt quá khả năng xử lý.

3. Phương án xử lý riêng đối với sự cố làm lộ, mất hoặc truy cập trái phép dữ liệu trẻ em:

a) Khi xác định có sự cố làm rò rỉ, mất mát hoặc truy cập trái phép dữ liệu cá nhân trẻ em, Đơn vị được thuê vận hành phải lập tức phong tỏa điểm kết nối dữ liệu, ngắt kết nối API liên quan.

b) Chậm nhất 24 giờ kể từ khi phát hiện, Cục Bà mẹ và Trẻ em chủ trì, phối hợp với Đơn vị được thuê vận hành báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế và thông báo cho cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân thuộc Bộ Công an, bảo đảm không vượt quá thời hạn 72 giờ quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Triển khai ngay các biện pháp giảm thiểu tác hại; rà soát toàn bộ danh tính hồ sơ trẻ em bị ảnh hưởng để có phương án bảo vệ và thông báo cho người giám hộ/đơn vị quản lý trực tiếp nếu cần thiết.

4. Định kỳ hằng năm, tổ chức rà soát phương án ứng cứu sự cố và diễn tập ứng cứu sự cố an ninh mạng.

Điều 19. Bảo trì và nâng cấp Hệ thống

1. Hệ thống được giám sát, bảo trì thường xuyên bảo đảm hoạt động liên tục, có số hotline hỗ trợ người dùng trên trang chủ của Hệ thống.

2. Cục Bà mẹ và Trẻ em chịu trách nhiệm rà soát, đề xuất nâng cấp và bảo trì Hệ thống, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin.

3. Hệ thống phải được cập nhật bản vá lỗi, sửa lỗi theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này và được nâng cấp phiên bản mới khi cần thiết. Bản vá, bản nâng cấp phải được kiểm thử trên môi trường kiểm thử, có phương án khôi phục

phiên bản trước và được các bên liên quan xác nhận trước khi chính thức đưa vào sử dụng; đối với lỗ hổng mức Nghiêm trọng, Cao được áp dụng quy trình kiểm thử rút gọn. Bản nâng cấp phải có tài liệu hướng dẫn sử dụng kèm theo; lịch bảo trì, nâng cấp được thông báo trước cho người sử dụng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Bà mẹ và Trẻ em

1. Là cơ quan quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm về nội dung nghiệp vụ, chỉ tiêu, biểu mẫu, phạm vi dữ liệu, quy trình chuyên môn và việc phê duyệt phạm vi khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước lĩnh vực trẻ em.

2. Đầu mối theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này, chịu trách nhiệm về chuyên môn khi triển khai hệ thống, tổng hợp các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện để báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

3. Đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các đơn vị có liên quan. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ liên thông dữ liệu từ các phần mềm và liên thông, chia sẻ dữ liệu đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội và các phần mềm, cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

4. Phối hợp với Đơn vị phát triển khắc phục các sự cố kỹ thuật phát sinh để bảo đảm Hệ thống vận hành ổn định, thông suốt trong thời gian sớm nhất.

5. Thực hiện trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý, vận hành Hệ thống theo quy định tại Nghị định số 331/2026/NĐ-CP; chủ trì xác định cấp độ, lập hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin; thay mặt chủ quản hệ thống thông tin thông báo, báo cáo sự cố theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này; quản lý hợp đồng với Đơn vị được thuê vận hành, Đơn vị phát triển.

Điều 21. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch - Tài chính

1. Phối hợp với Cục Bà mẹ và Trẻ em và các đơn vị liên quan nghiên cứu sửa đổi, cập nhật, bổ sung bộ chỉ số, biểu mẫu báo cáo công tác trẻ em các tuyến theo yêu cầu thực tiễn, bảo đảm thống nhất với chế độ báo cáo thống kê ngành y tế.

2. Chủ trì, phối hợp với Cục Bà mẹ và Trẻ em, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia và các cơ quan liên quan tham mưu Bộ Y tế bố trí kinh phí để triển khai, nâng cấp và duy trì hoạt động có hiệu quả Hệ thống.

Điều 22. Trách nhiệm của Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia

1. Phối hợp với Cục Bà mẹ và Trẻ em và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả liên thông, chia sẻ dữ liệu đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc

gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội và các phần mềm, cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

2. Là đầu mối tham mưu về Khung kiến trúc số Bộ Y tế; phối hợp với Cục Bà mẹ và Trẻ em đề xuất phương án hạ tầng kỹ thuật, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; giám sát, đánh giá việc Đơn vị được thuê vận hành thực hiện quản trị vận hành, sao lưu, phục hồi dữ liệu, bảo đảm an ninh mạng; phối hợp xử lý sự cố theo quy định.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ quy định về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an ninh mạng đối với Hệ thống theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Thẩm định hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin của Hệ thống theo thẩm quyền trong trường hợp được giao là đơn vị chuyên trách về an ninh mạng của Bộ Y tế.

5. Phối hợp với Cục Bà mẹ và Trẻ em trong việc chuẩn hóa danh mục, cấu trúc dữ liệu và kết nối, chia sẻ dữ liệu của Hệ thống.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Y tế các tỉnh, thành phố

1. Chủ trì triển khai áp dụng hệ thống trên địa bàn quản lý. Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc địa bàn tỉnh trong việc triển khai hệ thống.

2. Chủ trì triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Hệ thống trên địa bàn; tổng hợp, quản lý, khai thác và báo cáo dữ liệu theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, cập nhật, làm sạch, làm giàu và chuẩn hóa dữ liệu trên Hệ thống.

3. Thực hiện tổng hợp, báo cáo thống kê theo quy định và gửi báo cáo Cục Bà mẹ và Trẻ em. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc báo cáo thống kê qua hệ thống của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Bảo đảm tính bảo mật, tính chính xác và toàn vẹn số liệu do đơn vị quản lý.

5. Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ, đánh giá kết quả triển khai áp dụng hệ thống tại địa bàn, kịp thời báo cáo bằng văn bản về Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em) những khó khăn, vướng mắc vấn đề phát sinh để xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

6. Quản lý tài khoản cấp xã trên địa bàn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Quy chế này; phê duyệt việc hợp nhất hồ sơ trùng lặp, chuyển hồ sơ trẻ em trong phạm vi tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phân công người làm công tác trẻ em cấp xã làm đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý tài khoản; thu thập thông tin, nhập dữ liệu trẻ em trên Hệ thống, bảo đảm các tiêu chí: Đúng, Đủ, Sạch, Sống. Thực hiện tổng hợp, báo cáo theo quy định và gửi báo cáo đến Sở Y tế để phê duyệt.

2. Chỉ đạo các bộ phận, cá nhân thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan và phối hợp với Công an cấp xã trong công tác thu thập thông tin, làm sạch, làm giàu dữ liệu trên Hệ thống, bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hợp pháp của dữ liệu do đơn vị mình cập nhật, phê duyệt, khai thác, sử dụng trên Hệ thống.

4. Có trách nhiệm bố trí, sắp xếp đầy đủ cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, đường truyền, phần mềm, nhân lực, chữ ký số và kinh phí cần thiết để bảo đảm quản lý, khai thác, vận hành an toàn, thông suốt, hiệu quả Hệ thống theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, phúc tra dữ liệu trên Hệ thống, bảo đảm dữ liệu được cập nhật kịp thời, chính xác, đáp ứng các tiêu chí Đúng, Đủ, Sạch, Sống.

6. Thực hiện trách nhiệm đầu mối tiếp nhận yêu cầu của chủ thể dữ liệu tại địa phương theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

Điều 25. Trách nhiệm của Đơn vị được thuê vận hành

1. Tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành được ban hành tại Quy chế này. Chịu trách nhiệm quản trị vận hành, giám sát kỹ thuật, sao lưu, phục hồi dữ liệu, phối hợp xử lý sự cố và triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh mạng theo quy định. Theo dõi, duy trì và bảo đảm việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các nền tảng/phần mềm/hệ thống/cơ sở dữ liệu.

2. Chịu trách nhiệm về kỹ thuật bảo đảm Hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, phối hợp Đơn vị phát triển khắc phục sự cố kỹ thuật khi phát sinh; hướng dẫn người dùng trong quá trình cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin trên hệ thống. Nâng cấp, cập nhật hệ thống khi có sự thay đổi các văn bản quy định về chế độ báo cáo, thống kê thuộc lĩnh vực trẻ em.

3. Đầu mối phối hợp Cục Bà mẹ và Trẻ em thực hiện tích hợp, kết nối chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống với các hệ thống chuyên ngành khác của Bộ Y tế, các nền tảng số theo Khung kiến trúc số Bộ Y tế.

4. Phối hợp, hỗ trợ Cục Bà mẹ và Trẻ em xác định cấp độ, lập hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an ninh mạng theo quy định tại Nghị định số 331/2026/NĐ-CP.

5. Phối hợp Cục Bà mẹ và Trẻ em tham gia đào tạo, chuyển giao công nghệ khi cần; hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các đơn vị có liên quan khi có đề xuất.

6. Ký cam kết bảo mật đối với từng nhân sự tiếp cận Hệ thống; xử lý dữ liệu cá nhân theo hợp đồng với Cục Bà mẹ và Trẻ em; không thuê lại bên thứ ba thực hiện công việc có tiếp cận dữ liệu khi chưa được Cục Bà mẹ và Trẻ em chấp thuận; không lưu trữ dữ liệu của Hệ thống ngoài lãnh thổ Việt Nam; chỉ truy cập từ xa qua kênh được phê duyệt; hoàn trả, hủy dữ liệu khi kết thúc hợp đồng.

Điều 26. Trách nhiệm của Đơn vị phát triển

1. Tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành được ban hành tại Quy chế này.

2. Có văn bản cam kết bảo hành, bảo trì theo quy định; bàn giao hệ thống theo quy định tại khoản 3 Điều này; tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ.

3. Bàn giao đầy đủ tối thiểu các thành phần sau: mã nguồn; tài liệu kiến trúc hệ thống; tài liệu cài đặt, cấu hình; tài liệu cơ sở dữ liệu; tài liệu phân tích thiết kế; tài liệu yêu cầu nghiệp vụ; tài liệu đặc tả và hướng dẫn kết nối API; tài liệu mô hình phân quyền; tài khoản quản trị hệ thống; tài khoản kỹ thuật; tài khoản dịch vụ; quy trình vận hành; quy trình sao lưu, phục hồi; quy trình xử lý sự cố; tài liệu hướng dẫn sử dụng; hồ sơ kiểm thử; biên bản nghiệm thu; hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin; kết quả kiểm tra, đánh giá an ninh mạng; phương án khắc phục lỗ hổng, điểm yếu an ninh mạng; cam kết bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật sau bàn giao. Sau khi bàn giao, toàn bộ mật khẩu, khóa của tài khoản quản trị, tài khoản kỹ thuật, tài khoản dịch vụ phải được thay đổi.

4. Chỉ định cán bộ đầu mối chịu trách nhiệm, phối hợp với Đơn vị được thuê vận hành bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, thông suốt, khắc phục khi hệ thống có sự cố xảy ra; phối hợp với Cục Bà mẹ và Trẻ em, Đơn vị được thuê vận hành tiếp nhận và xử lý các yêu cầu điều chỉnh hệ thống theo các văn bản chuyên môn từ các cơ quan có thẩm quyền, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước lĩnh vực trẻ em trong thời gian bảo hành, bảo trì.

5. Đơn vị phát triển và các cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật dữ liệu, không tiết lộ thông tin về dữ liệu theo quy định tại Quy chế này và thực hiện các yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 26 Quy chế này.

6. Bảo đảm chất lượng phần mềm, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục lỗi kỹ thuật, lỗi phần mềm, lỗ hổng bảo mật và phối hợp kiểm tra, đánh giá an ninh mạng trước khi bàn giao, trước khi vận hành chính thức, sau mỗi lần nâng cấp, chỉnh sửa Hệ thống và định kỳ trong thời gian bảo hành, bảo trì.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Bà mẹ và Trẻ em, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Bà mẹ và Trẻ em) để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung phù hợp./.